

THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ *Giá cao su trên thị trường châu Á trong tháng 01/2020 biến động không nhất .*
- ▶ *Giá mủ cao su nguyên liệu trong nước sau Tết nguyên đán ổn định so với trước thời điểm nghỉ Tết.*
- ▶ *Năm 2019, xuất khẩu hầu hết các chủng loại cao su của Việt Nam tăng so với năm 2018.*
- ▶ *Thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ấn Độ 11 tháng năm 2019 tăng so với cùng kỳ năm 2018.*

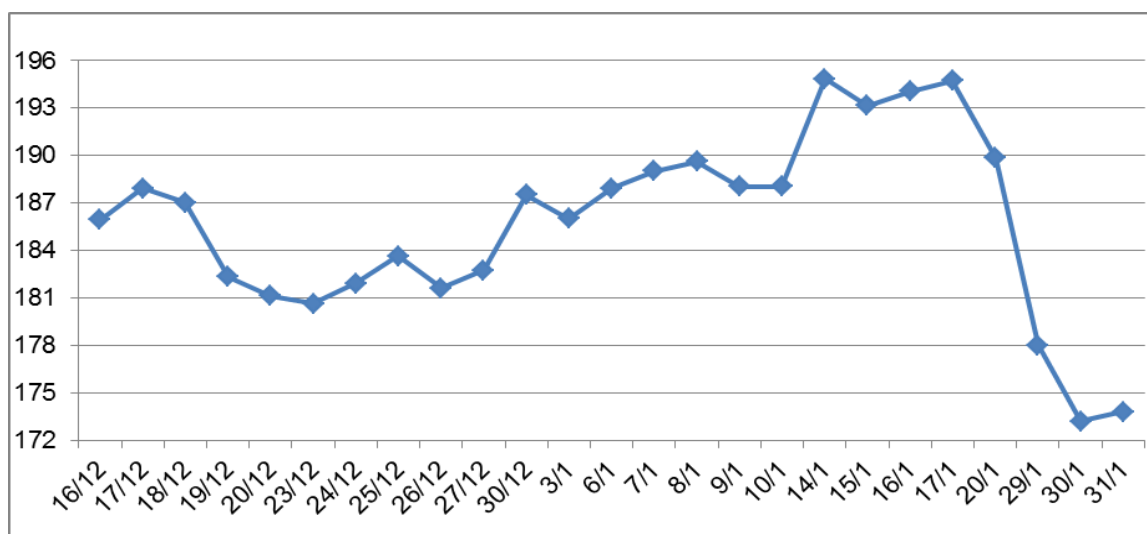
THỊ TRƯỜNG CAO SU THẾ GIỚI

Trong tháng 01/2020, giá cao su trên thị trường thế giới biến động không đồng nhất so với cuối tháng 12/2019. Tháng 01/2020, giá cao su tại Thái Lan tăng mạnh, trong khi tại Tokyo và Thượng Hải giảm mạnh, cụ thể:

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo

(TOCOM), tháng 01/2020, giá cao su có xu hướng tăng trong 20 ngày đầu tháng, sau đó quay đầu giảm mạnh. Ngày 31/01/2020 giá cao su giao kỳ hạn tháng 3/2020 giao dịch ở mức 173,8 Yên/kg (tương đương 1,59 USD/kg), giảm 7,3% so với cuối tháng 12/2019.

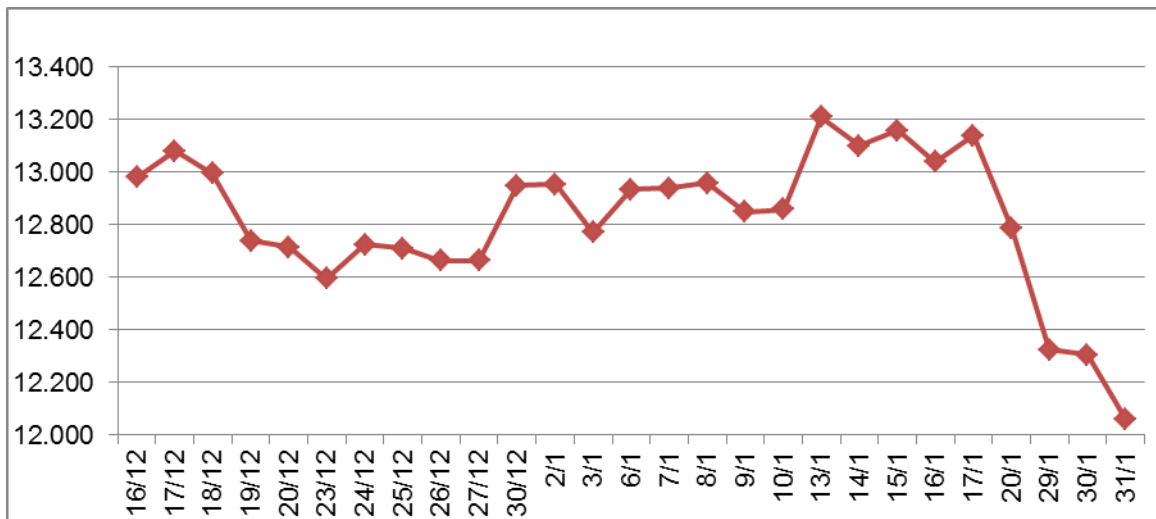
Diễn biến giá cao su giao kỳ hạn tháng 3/2020 tại sàn Tocom trong tháng 01/2020 (ĐVT: Yên/kg)



Nguồn: Tocom.or.jp

+ Tại Thượng Hải, giá cao su giao kỳ hạn tháng 3/2020 ngày 31/01/2020 giao 1,74 USD/kg), giảm 6,9% so với cuối tháng 12/2019.
 dịch ở mức 12.060 NDT/tấn (tương đương

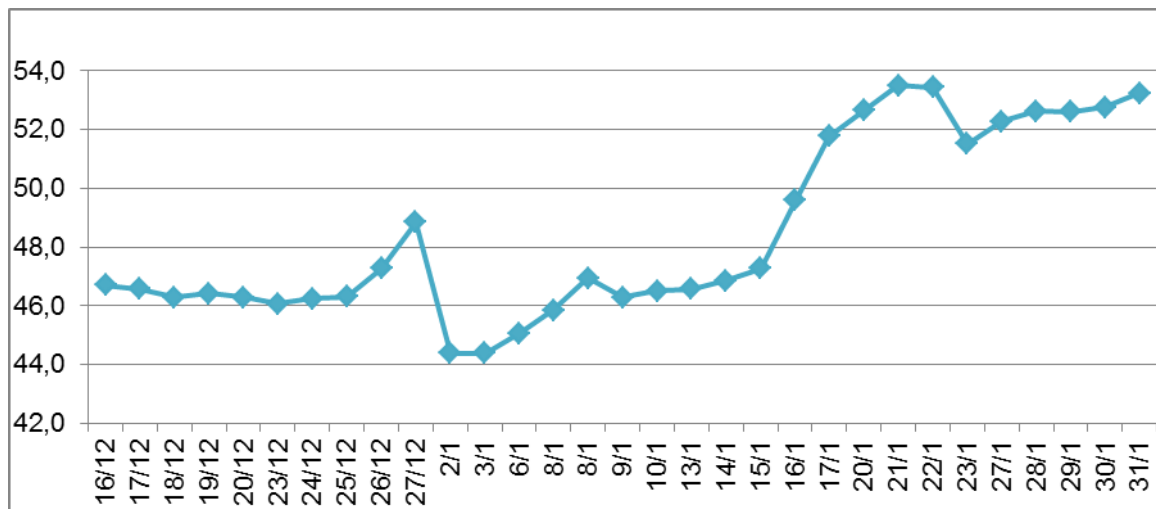
Diễn biến giá cao su giao kỳ hạn tháng 3/2020 tại sàn SHFE trong tháng 01/2020
 (ĐVT: NDT/tấn)



Nguồn: Shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, tháng 01/2020, giá cao su RSS3 có xu hướng tăng so với tháng 12/2019. Ngày 31/01/2020 giá cao su RSS3 chào bán ở mức 53,2 Baht/kg (tương đương 1,71 USD/kg), tăng 9% so với cuối tháng 12/2019.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan trong tháng 01/2020
 (ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: Thainr.com

Giá cao su giảm mạnh sau dịp nghỉ Tết Nguyên đán do dịch cúm Corona làm dấy lên nỗi lo kinh tế Trung Quốc suy giảm, ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu cao su của quốc gia nhập khẩu lớn nhất thế giới này.

Trước đó, Hãng tư vấn AlixPartners của Hoa kỳ ước tính, trong giai đoạn 2019 - 2026, thị trường ô tô toàn cầu sẽ tăng trưởng trung bình 1,6%/năm. Mặc dù lượng ô tô mới bán ra đang giảm, nhưng nhu cầu đối với cao su tự nhiên cho ngành sản xuất lốp xe sẽ tăng trong trung và dài hạn.

Trong Báo cáo triển vọng ngành Cao su, Tập đoàn International Rubber Study Group (IRSG) dự báo nhu cầu cao su thế giới năm 2020 sẽ tăng khoảng 2,6% so với năm 2019. Trong đó, nhu cầu của ngành sản xuất lốp ô tô sẽ tăng khoảng 1,5% trong năm 2020, trong khi nhu cầu từ các ngành khác dự kiến tăng 4,3%.

IRSG dự tính nhu cầu cao su toàn cầu năm 2019 giảm còn 28,7 triệu tấn, nhưng kỳ vọng sẽ tăng lên 29,5 triệu tấn trong năm 2020 và tăng lên 30,3 triệu tấn trong năm 2022. Trong đó, nhu cầu toàn cầu đối với cao su tự nhiên năm 2019 tăng khoảng 0,1% so với năm 2018, đạt khoảng 13,8 triệu tấn và sẽ tăng 1,9% trong năm 2020; Nhu cầu cao su tổng hợp năm 2019 giảm khoảng 2,8%, đạt khoảng 15 triệu tấn và sẽ tăng khoảng 3,4% trong năm 2020.

- Thái Lan: Theo Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã Thái Lan, diện tích cao su của Thái Lan năm 2019 ước tính đạt 20 triệu Rai (tương đương 3,2 triệu ha), tăng 3 triệu



Rai (tương đương tăng 0,48 triệu ha) so với năm 2019. Dù bệnh nấm vẫn hoành hành, song sức cầu giảm khiến cao su Thái Lan dư cung. Mức giá thấp buộc Chính phủ phải đưa ra gói trợ cấp 24 triệu Baht cho người nông dân trồng cao su. Theo đó, Chính phủ đảm bảo mức giá 60 Baht/kg, bằng cách trả cho người nông dân phần chênh lệch so với mức giá hiện tại họ bán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Hợp tác xã nông nghiệp Thái Lan.

- Bờ Biển Ngà: Theo Hiệp hội Cao su tự nhiên của Bờ Biển Ngà (APROMAC), sản lượng cao su năm 2019 của nước này tăng 25%, lên 780.000 tấn và được kỳ vọng sẽ đạt 850.000 tấn trong năm 2020, do các vùng nguyên liệu trồng mới bắt đầu đi vào khai thác. Bờ Biển Ngà là nước xuất khẩu cao su hàng đầu châu Phi và là nước sản xuất lớn thứ bảy thế giới. Dự kiến sản lượng cao su tự nhiên của Bờ Biển Ngà sẽ đạt 950.000 tấn vào năm 2021.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong tháng 01/2020, giá mủ cao su nguyên liệu tại Bình Phước không có nhiều biến động so với cuối năm 2019. Hiện giá thu mua mủ nước tại vườn và nhà máy tại Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh lần lượt đạt 287 Đ/độ TSC và 292 Đ/độ TSC.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu phần lớn các chủng loại cao su của Việt Nam trong năm 2019 đều tăng so với năm 2018. Trong đó, xuất khẩu cao su tổng hợp đạt 927,87 nghìn tấn, trị giá 1,26 tỷ USD, tăng 12,3% về lượng và tăng 14,4% về trị giá so với năm 2018, chiếm 54,5% tổng lượng cao su xuất khẩu.

Các loại cao su có lượng xuất khẩu năm 2019 tăng mạnh so với năm 2018 gồm: SVR 20 tăng 105,3%; SVR CV40 tăng 33,7%; RSS1 tăng 57,9%; Latex tăng 30,7%; SVR 3L tăng

14,4%; cao su dạng Crếp tăng 1.750%... Trong khi xuất khẩu cao su tái sinh giảm 23,9% so với năm 2018; cao su Skim block giảm 56,5%, CSR 10 giảm 92,9%; SVR 10 giảm 15,4%...

Về giá xuất khẩu:

Nhìn chung, năm 2019 giá xuất khẩu nhiều chủng loại cao su tăng nhẹ so với năm 2018, trừ cao su SVR 3L, Skim block, SVR CV50, RSS3... Trong đó, cao su tái sinh có giá xuất khẩu bình quân tăng mạnh nhất, tăng 19,5%; CSR 10 tăng 18,8%; SVR 10 tăng 5,4%; Cao su hỗn hợp tăng 4,6%...

Chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2019

Chủng loại	Năm 2019			So với năm 2018 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Giá TB (USD/tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Giá TB	Trị giá	Năm 2018	Năm 2019
Cao su tổng hợp	927.875	1.363	1.264.674	12,3	1,8	14,4	52,9	54,5
SVR 3L	210.296	1.444	303.768	14,4	-0,2	14,2	11,8	12,3
SVR 10	178.221	1.384	246.674	-15,4	5,4	-10,8	13,5	10,5
Latex	159.927	963	154.054	30,7	0,5	31,3	7,8	9,4
SVR CV60	78.771	1.506	118.642	1,8	-1,9	-0,2	5	4,6
RSS3	78.323	1.477	115.711	-2,6	-0,7	-3,3	5,1	4,6
SVR 20	20.199	1.374	27.751	105,3	1,4	108,2	0,6	1,2
SVR CV50	16.723	1.521	25.438	-4,5	-2,2	-6,7	1,1	1

Chủng loại	Năm 2019			So với năm 2018 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Giá TB (USD/tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Giá TB	Trị giá	Năm 2018	Năm 2019
RSS1	12.387	1.556	19.280	57,9	1,3	59,9	0,5	0,7
Cao su hỗn hợp	11.349	1.772	20.112	7,7	4,6	12,7	0,7	0,7
Cao su tái sinh	4.102	630	2.585	-23,9	19,5	-9	0,3	0,2
SVR 5	2.375	1.518	3.606	-0,5	0,1	-0,4	0,2	0,1
Skim block	458	1.032	472	-56,5	-7,9	-59,9	0,1	0,0
CSR 10	311	1.441	448	-92,9	18,8	-91,6	0,3	0,0
SVR CV40	242	1.524	369	33,7	1,5	35,7	0,0	0,0
Cao su dạng Crếp	37	1.344	50	1.750	-25,6	1.277	0,0	0,0
CSR L	20	1.500	30					0,0
Loại khác	1.840	516	950	-25,7	-10,1	-33,2	0,2	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA ẤN ĐỘ TRONG 11 THÁNG NĂM 2019 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Bộ Thương mại Ấn Độ, trong 11 tháng năm 2019, Ấn Độ nhập khẩu 967,16 nghìn tấn cao su (mã HS 4001, 4002, 4003, 4005), trị giá 1,69 tỷ USD, giảm 10,3% về lượng và giảm 15,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2018, chủ yếu nhập khẩu từ In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và Hàn Quốc...; giá nhập khẩu bình quân ở mức 1.757 USD/tấn, giảm 6,1% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong 11 tháng năm 2019, Ấn Độ giảm nhập khẩu cao su từ các thị trường:

In-đô-nê-xi-a giảm 35,1%; Hàn Quốc giảm 13,9%; Thái Lan giảm 31,3%; Nga giảm 32,2%; Hoa Kỳ giảm 9,2%... Các thị trường Ấn Độ tăng nhập khẩu cao su gồm: Việt Nam tăng 39,5%; Xin-ga-po tăng 11,8%; Ma-lai-xi-a tăng 21%; Nhật Bản tăng 18,2%...

Trong 11 tháng năm 2019, nhập khẩu cao su của Ấn Độ từ Việt Nam đạt 129,3 nghìn tấn, trị giá 193,3 triệu USD, tăng 39,5% về lượng và tăng 38,1% về trị giá; giá nhập khẩu bình quân ở mức

1.494 USD/tấn, giảm 1,1% so với cùng kỳ năm 2018. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu cao su của Ấn Độ tăng từ 8,6% trong 11 tháng năm 2018 lên 13,4% trong 11 tháng năm 2019.

10 thị trường cung cấp cao su lớn nhất cho Ấn Độ trong 11 tháng năm 2019

(mã HS: 4001, 4002, 4003, 4005)

Thị trường	11 tháng năm 2019			So với 11 tháng năm 2018 (%)			Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Giá TB (USD/tấn)	Trị giá (triệu USD)	Lượng	Giá TB	Trị giá	11 tháng năm 2018	11 tháng năm 2019
Tổng	967.164	1.757	1.699,4	-10,3	-6,1	-15,8	100	100
In-đô-nê-xi-a	166.478	1.523	253,6	-35,1	-1,0	-35,7	23,8	17,2
Việt Nam	129.330	1.494	193,3	39,5	-1,1	38,1	8,6	13,4
Hàn Quốc	117.340	1.671	196,1	-13,9	-15,4	-27,2	12,6	12,1
Xin-ga-po	100.397	1.929	193,7	11,8	-3,9	7,4	8,3	10,4
Thái Lan	68.212	1.795	122,4	-31,3	4,5	-28,2	9,2	7,1
Ma-lai-xi-a	64.282	1.637	105,2	21,0	-3,2	17,1	4,9	6,6
Nhật Bản	46.535	2.651	123,4	18,2	-24,2	-10,4	3,7	4,8
Hoa Kỳ	45.650	1.611	73,5	-9,2	-12,0	-20,1	4,7	4,7
Nga	44.318	1.987	88,1	-32,2	1,8	-31,0	6,1	4,6
Bờ Biển Ngà	24.226	1.374	33,3	-18,6	-6,1	-23,6	2,8	2,5
Thị trường khác	160.397	1.976	317	-3,5	-12,2	-15,2	15,4	16,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Bộ Thương mại Ấn Độ
cung cấp cao su tự nhiên lớn nhất cho Ấn Độ.

Cơ cấu chủng loại nhập khẩu:

Trong 11 tháng năm 2019, nhập khẩu cao su tự nhiên (mã HS 4001) của Ấn Độ đạt 456,8 nghìn tấn, trị giá 691,5 triệu USD, giảm 17,5% về lượng và giảm 19,1% về trị giá; giá nhập khẩu bình quân ở mức 1.514 USD/tấn, giảm 1,8% so với cùng kỳ năm 2018. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và Thái Lan là 3 thị trường

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên cho Ấn Độ trong 11 tháng năm 2019 thay đổi khi thị phần cao su của In-đô-nê-xi-a, Thái Lan trong tổng nhập khẩu của Ấn Độ giảm, trong khi thị phần của Việt Nam, Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po tăng.



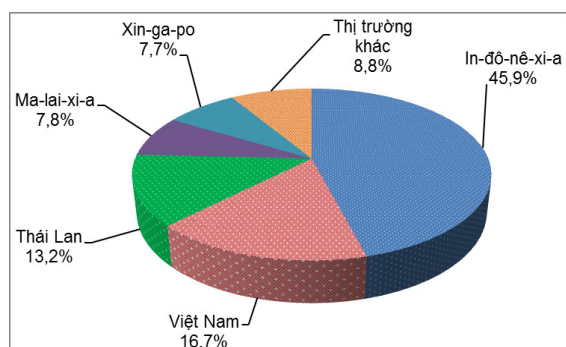
Trong 11 tháng năm 2019, nhập khẩu cao su tự nhiên của Ấn Độ từ Việt Nam đạt 128,8 nghìn tấn, trị giá 192,5 triệu USD, tăng 39,7% về lượng và

tăng 38,4% về trị giá; giá nhập khẩu bình quân ở mức 1.494 USD/tấn, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2018.

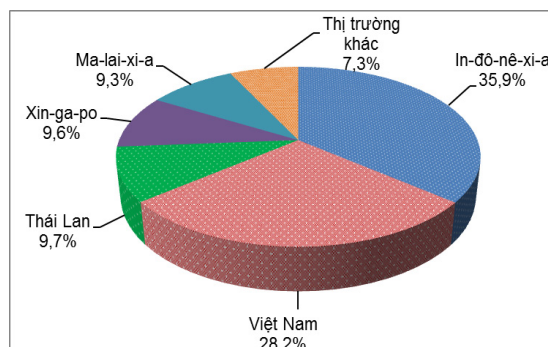
Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên (mã HS: 4001) cho Ấn Độ

(Đvt: % tính theo lượng)

11 tháng năm 2018



11 tháng năm 2019



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Bộ Thương mại Ấn Độ

Trong 11 tháng năm 2019, nhập khẩu cao su tổng hợp (mã HS 4002) của Ấn Độ đạt 421,35 nghìn tấn, trị giá 852,23 triệu USD, giảm 8,8% về lượng và giảm 17,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2018. Hàn Quốc, Xin-ga-po, Nhật Bản, Nga và Hoa Kỳ là 5 thị trường cung cấp cao su tổng hợp chính cho Ấn Độ. Cơ cấu thị

trường cung cấp cao su tổng hợp cho Ấn Độ trong 11 tháng năm 2019 thay đổi khi thị phần của Hoa Kỳ, Nga và Hàn Quốc trong tổng nhập khẩu của Ấn Độ giảm, trong khi thị phần của Xin-ga-po và Nhật Bản tăng. Thị phần cao su tổng hợp Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ấn Độ chiếm 0,1%.